TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST Ngày 29 tháng 9 năm 2025 *V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Thị Út

2. Bà Khưu Liên Dung

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau tham gia phiên toà:* Bà Dương Thị Tiểu My - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Trang Văn H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số D, đường N, khóm D, phường V, tỉnh Cà Mau.

* Bị đơn: Chị Nguyễn Kim D, sinh năm 1980. Nơi đăng ký thường trú: Số F, khóm D, phường B, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Số D, đường N, khóm D, phường V, tỉnh Cà Mau.

(*Anh H và chị D vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Toà, anh Trang Văn H là nguyên đơn trong vụ án trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H và chị D tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2008, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 09/3/2009 tại UBND phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là UBND phường B, tỉnh Cà Mau).

Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, vào năm 2018, anh H phát hiện chị D có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, sự việc được chị D thừa nhận. Sau đó giữa anh chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn lại tình cảm như ban đầu được nữa. Anh chị cũng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

- Về con chung: Anh H và chị D có hai con chung tên Trang Kim T, sinh ngày 03/02/2009 và Trang Thị Kim N, sinh ngày 09/11/2010. Hiện nay các con đang sống với anh H. Anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu N sau khi ly hôn, không yêu cầu chị D cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Đối với bị đơn chị Nguyễn Kim D:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đã nhiều lần triệu tập chị D đến Tòa án để làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của anh H và tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị D đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào cho Tòa án. Chị D đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai. Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Trang Văn H với chị Nguyễn Kim D. Cho anh Trang Văn H ly hôn với chị Nguyễn Kim D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trang Kim T, sinh ngày 03/02/2009 và Trang Thị Kim N, sinh ngày 09/11/2010 cho anh Trang Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Hiện nay cháu T và cháu N đang sống chung với anh H nên được giữ nguyên. Chị Nguyễn Kim D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Chị Nguyễn Kim D không phải cấp dưỡng cho con chung do anh H không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trang Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Anh Trang Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Kim D. Chị D có nơi cư trú tại phường V, tỉnh Cà Mau. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – tỉnh Cà Mau.

[2] *Xét xử vắng mặt đương sự:* Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị D đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Anh Trang Văn H và chị Nguyễn Kim D tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 09/3/2009 tại UBND phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau) là có xảy ra trên thực tế nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[4] Anh H xác định: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc vào năm 2018, anh H phát hiện chị D có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, sự việc được chị D thừa nhận. Sau đó giữa anh chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn lại tình cảm như ban đầu được nữa. Anh chị cũng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, gắn bó, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và phải cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Xét thấy anh H và chị D phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài nhưng vẫn không thể giải quyết được, dẫn đến việc anh H nộp đơn yêu cầu ly hôn. Về phía chị D, Tòa án đã nhiều lần triệu tập làm việc để xác định ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh H nhưng chị D đều vắng mặt không có lý do cho thấy chị D không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, trong suốt quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, anh H xác định bản thân anh đã không còn tình cảm với chị D, không có yêu cầu đoàn tụ mà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ và căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của

pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh H, cho anh H được ly hôn với chị D.

[6] Về con chung: Giữa anh H và chị D có hai con chung tên Trang Kim T, sinh ngày 03/02/2009 và Trang Thị Kim N, sinh ngày 09/11/2010. Hiện nay các con đang sống với anh H. Anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu N sau khi ly hôn, không yêu cầu chị D cấp dưỡng cho con chung. Quá trình giải quyết vụ án, chị D không tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung nên có cơ sở giao cháu T và cháu N cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Chị D không phải cấp dưỡng cho con chung do anh H không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Chị D không có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Trang Văn H với chị Nguyễn Kim D. Cho anh Trang Văn H ly hôn với chị Nguyễn Kim D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trang Kim T, sinh ngày 03/02/2009 và Trang Thị Kim N, sinh ngày 09/11/2010 cho anh Trang Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Hiện nay cháu T và cháu N đang sống chung với anh H nên

được giữ nguyên. Chị Nguyễn Kim D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Chị Nguyễn Kim D không phải cấp dưỡng cho con chung do anh H không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trang Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0011171 ngày 24/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bích Ngọc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 6 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.